

Chủ đề 1:

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ TƯ DUY PHÂN BIỆT

- 1.1. Khái niệm về tư duy phân biệt
- 1.2. Các đặc trưng của tư duy phân biệt
- 1.3. Các lợi ích của tư duy phân biệt
- 1.4. Các rào cản của tư duy phân biệt
- 1.5. Tầm quan trọng của ngôn ngữ trong tư duy

1

1.1. Khái niệm về tư duy phân biệt

- **Nhận thức của con người gồm hai giai đoạn:**

- Nhận thức cảm tính (trực quan sinh động): nhận thức con người phản ánh trực tiếp sự vật, hiện tượng thông qua các giác quan. Kết quả của nhận thức được thể hiện dưới các hình thức: cảm giác, tri giác, biểu tượng.



2

1.1. Khái niệm về tư duy phân biệt

- **Nhận thức của con người gồm hai giai đoạn:**

- Nhận thức lý tính (tư duy trừu tượng): nhận thức bằng lý trí, phản ánh hiện thực khách quan một cách gián tiếp thông qua hoạt động của tư duy, thể hiện ở các hình thức khái niệm, phán đoán, suy luận.

- **Quá trình chọn lọc, sắp xếp, liên kết, phối hợp các dữ liệu thu được từ nhận thức cảm tính để tìm hiểu bản chất và mối quan hệ của các sự vật, hiện tượng (đưa ra các thông tin mới từ các thông tin đã có) → Tư duy.**



3

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

- Tư duy chỉ nảy sinh khi con người nhận thức vấn đề và ra quyết định giải quyết vấn đề.
- Trong quá trình tư duy, bộ não không ngừng hoạt động để đưa ra những nhận định, phán đoán, đánh giá vấn đề. Qua đó, con người tự khám phá, tìm kiếm và phát hiện cái mới để tái tạo lại những tri thức cho bản thân mình.
- Như vậy, tư duy mở đường cho sự phát triển của con người.
- Cuộc sống buộc con người phải không ngừng tư duy.
- **“Tôi tư duy, vậy nên tôi tồn tại”** René Descartes



4

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

- Luôn có sự mâu thuẫn giữa cái vô cùng, vô tận của thế giới khách quan với sự giới hạn về năng lực tư duy và nhận thức của con người trong từng hoàn cảnh và thời điểm cụ thể.
 - Không thể tránh khỏi những sai lầm trong quá trình tìm hiểu, khám phá bản chất của thế giới khách quan.
- Con người luôn chịu sự tác động của các yếu tố chủ quan (động cơ, cảm xúc, lợi ích, kinh nghiệm, trình độ, niềm tin, sự mong đợi...) và các yếu tố khách quan (môi trường xã hội, môi trường tự nhiên, hoàn cảnh sống...).
- dẫn đến những phán đoán, kết luận không phải bao giờ cũng đúng, mà có thể thiếu chính xác, thậm chí sai lệch.
- Điều đó tất yếu dẫn đến sự xuất hiện của **tư duy phản biện**.

5

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

- Khái niệm **“Tư duy phản biện”** xuất hiện trong kinh **Vệ đà và A-ti-đạt-ma** của nhà Phật từ 2.500 năm trước ở Phương Đông và ở Phương Tây khởi đầu từ sự tiếp cận của nhà triết học Hy Lạp Socrates cách đây hơn 2.000 năm với khái niệm **“Critical thinking”** nghĩa là **“Tư duy phản biện”**.
- Nhiều tác giả, theo các góc độ tiếp cận khác nhau đã đưa ra các khái niệm về tư duy phản biện:
 - J. Dewey gọi tư duy phản biện là “Reflective thinking”: “Sự suy xét chủ động, liên tục, cẩn trọng về một niềm tin, một giả định khoa học có xét đến những lý lẽ để bảo vệ nó và những kết luận xa hơn được nhằm đến - An active, persistent, and careful consideration of a belief or supposed form of knowledge, of the grounds that support that knowledge, and the further conclusions to which that knowledge leads.”

6

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

- Theo R. Ennis: “Tư duy phản biện là sự suy nghĩ sâu sắc, nhạy cảm, thực tế và hữu ích để quyết định niềm tin hay hành động”.
- Theo M. Scriven: “Tư duy phản biện là khả năng, hành động để thấu hiểu và đánh giá được những dữ liệu thu thập được thông qua quan sát, giao tiếp, truyền thông và tranh luận”.
- Theo D. Hatcher: “Tư duy phản biện là loại tư duy nỗ lực để đưa ra một phán đoán sau khi đã tìm cách thức đáng tin cậy để đánh giá thực chất về mọi phương diện của các bằng chứng và các luận cứ”.

7

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

- Theo tài liệu tập huấn về kỹ năng sống của Tổ chức World Vision Việt Nam: “Tư duy phản biện là quá trình tư duy biện chứng gồm phân tích và đánh giá một thông tin đã có theo các cách nhìn khác cho vấn đề đã đặt ra nhằm làm sáng tỏ và khẳng định lại tính chính xác của vấn đề. Lập luận phản biện phải rõ ràng, logic, đầy đủ bằng chứng, tỉ mỉ và công tâm”.

8

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

- **Tư duy phản biện là thuật ngữ chung để chỉ một dải rộng các kỹ năng nhận thức (cognitive skills) và các khuynh hướng trí tuệ (intellectual dispositions) cần thiết để:**

- Nhận định (identify), phân tích (analyze), đánh giá (evaluate) các luận điểm (arguments) và các phát biểu về sự thật/chân lý (truth claims) một cách hiệu quả;
- Nhận ra và vượt qua các thành kiến (biases) và định kiến cá nhân (preconception);
- Thiết lập và trình bày các lý lẽ thuyết phục để ủng hộ cho các kết luận;
- Ra các quyết định một cách sáng suốt và hợp lý về những gì được tin và những gì được làm.

9

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

• Phản biện:

- “phản” nghĩa là xét lại, đối lại, đối lập
- “biện” nghĩa là phân tích, biện luận
- Phản biện là đặt lại, xét lại hoặc tự xét lại một sự việc, một vấn đề trên cơ sở những lập luận, phân tích khách quan, khoa học có sức thuyết phục nhằm phát hiện hoặc đưa các chính kiến trở về với đúng giá trị của nó, phân định rõ cái tốt với cái xấu, cái đúng với cái sai, cái hay với cái dở, cái được khẳng định với cái phải phủ định, cái nên với cái không nên, cái hoàn thiện với cái chưa hoàn thiện...
- Mục đích của phản biện là nhằm đáp ứng những yêu cầu tất yếu, khách quan do cuộc sống đặt ra; đưa sự việc, vấn đề trở về đúng với chân giá trị của nó.

• Phân biệt phản biện với phản bác và phê phán

10

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

Dấu hiệu	Tư duy phản biện	Phản bác, chê bai, phê phán
Nội dung, động cơ quan tâm	Cái mới lạ, cái hay, cái khác biệt, độc đáo, phi truyền thống, ý tưởng (đóng góp) mới... (để học hỏi, bổ sung, hoàn thiện và sáng tạo).	Những điểm yếu, sai sót, kẻ hở, khiếm khuyết, khuyết điểm... (để phê bình, chỉ trích).
Cách thể hiện	Khiêm tốn, ý thức mình có thể sai và sẵn sàng chấp nhận sai khi có căn cứ; biết tôn trọng, mong muốn học hỏi...	Công kích, gièm pha, coi thường...
Quan điểm, góc nhìn	Đa chiều, đa diện, khách quan.	Chủ quan, định kiến, một chiều.
Căn cứ, hành vi	Hình thành ý tưởng; xây dựng lập luận; chứng minh bằng các bằng chứng tốt; đánh giá dựa vào các tiêu chuẩn khách quan, công bằng.	Bị chi phối bởi cảm xúc cá nhân, công kích cá nhân; quy chụp; nguy hiểm.
Mục đích	Tiếp cận chân lý; cải thiện chất lượng nhận thức; hợp tác, phát triển.	Bảo vệ quan điểm, lợi ích của mình; chối bỏ, không công nhận quan điểm của người khác; thiếu hợp tác, khó phát triển.
Kết quả	Nhìn nhận vấn đề, sự việc đúng đắn, chính xác, đầy đủ và công bằng hơn.	Có sự thắng thua, được mất; gây tổn thương trong quan hệ; hiểu biết về sự việc không rõ ràng, không sáng tỏ hơn.

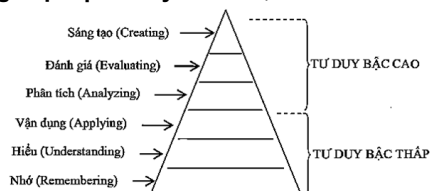
11

1.1. Khái niệm về tư duy phản biện

• Tư duy phản biện bao gồm: tư duy tự phản biện và tư duy phản biện ngoại cảnh.

- Tư duy tự phản biện là việc tự mình phản biện lại những suy nghĩ, hành động của chính bản thân mình.
- Tư duy phản biện ngoại cảnh là việc thu thập, tiếp nhận những thông tin ngoại cảnh từ nhiều chiều để phân tích, đánh giá về những sự vật, sự việc khác.

• Thang cấp độ tư duy Bloom (Bloom's Revised Taxonomy)



12

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

- Tư duy phản biện là **suy nghĩ một cách có kỷ luật dưới sự chi phối của các tiêu chuẩn tri thức rõ ràng (clear intellectual standards)**.
- Các tiêu chuẩn chính của tư duy phản biện là:
 - Tính rõ ràng (clarity)
 - Tính chính xác (precision)
 - Tính đúng (accuracy)
 - Tính liên quan (relevance)
 - Tính nhất quán (consistency)
 - Tính hợp lý (logical correctness)
 - Tính đầy đủ (completeness)
 - Tính công bằng (fairness).

13

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính rõ ràng (Clarity)

- Trước khi đánh giá một phát biểu hay một quan điểm của ai, chúng ta cần hiểu rõ ràng điều họ nói. Tuy vậy, điều này thường khó đạt được vì con người thường không diễn tả rõ ràng điều họ muốn. Điều này xảy ra do ngại đi sâu, do không để ý, không được hướng dẫn hoặc thiếu kỹ năng.
- Có những phát biểu mới nghe qua có vẻ rất sâu sắc nhưng thật ra luộm thuộm, rời rạc và tối nghĩa.
- Nếu chỉ dựa vào ngôn ngữ sẽ không đủ để hiểu một phát biểu.
- Tư duy phản biện không những chú ý đến tính rõ ràng của ngôn ngữ mà còn tìm kiếm sự rõ ràng tối đa của suy nghĩ.

14

1.2. Các đặc trưng của tư duy phản biện

• Tính rõ ràng (Clarity)

- Ví dụ về tính rõ ràng (tìm ví dụ cho thấy sự không rõ ràng, tối nghĩa)
- <https://ooc.vn/moi-truong-mo-uoc-cua-sinh-vien/>
- Lưu ý các điểm sau:
 - Tính rõ ràng khi trả lời câu hỏi
 - Tính rõ ràng trong suy nghĩ
 - Tính rõ ràng trong ngôn ngữ

15
